

CHUYÊN ĐỀ ĐỘNG TỪ

THÌ HIỆN TẠI ĐƠN (The present simple)

I. CÁCH DÙNG (USES)

1.1. Diễn tả hành động xảy ra ở hiện tại nói chung.

1.2 Diễn tả hành động lặp đi lặp lại, thói quen, sở thích.

1.3 Diễn tả hành động là sự thật hiển nhiên, chân lí.

1.4 Dùng diễn tả lich tàu xe, chương trình TV, thời khóa biểu.

1.5 Dùng trong câu điều kiện loại 1 về chứa “ if ”*

II. DẤU HIỆU:

1. Các trạng từ chỉ tần suất:

+ **always** (luôn luôn)

+ **usually** (thường thường)

+ **often** (thường xuyên)

+ **sometimes** (thỉnh thoảng)

+ **rarely, seldom** (hiếm khi)

+ **never** (không bao giờ)..

2. **Every** (mỗi, hàng) + từ chỉ thời gian (every day..)

3. Các từ chỉ số lần : **once** (1 lần), **twice*** (2 lần) , three times* (3 lần) , ten times...

4. Câu trả lời cho câu hỏi: **How often? (có thường xuyên không?)**

III. CÔNG THỨC:

1. Kí hiệu:

-Chủ ngữ- S

- Động từ - V

- Tân ngữ (bổ ngữ) – O

- Trạng ngữ - ADV

2. Công thức dành cho động từ “be”

KĐ: S + am/is/are + O + ADV.

PD: S + am not/ isn't / aren't + O + ADV.

NV: Am/is /are + S + O + ADV?

(chú ý I- am; she,he,it,N, 1 name –is; you, we, they, Ns, 2 names – are)

2. Công thức dành cho động từ thường.

Kí hiệu:

S1= I, you, we, they, Ns, 2 names.

S2 = she, he, it, N, 1 name

KĐ: S1 + V + O + ADV.

S2 + Vs, es + O + ADV.

PD: S1 + don't + V + O + ADV.

S2 + doesn't + V + O + ADV.

NV: Do + S1 + V + O + ADV?

Does + S2 + V + O + ADV?

Chú ý:

1. Các động từ đi với S2 thêm "es" là những V kết thúc = **ch,x,sh,z,s,o**, các V còn lại chỉ cần thêm "s"
2. Trường hợp V kết thúc = "y" nếu "y" sau nguyên âm thì chỉ thêm "s" nếu "y" sau phụ âm thì biến đổi "y" thành "i" rồi thêm es.
Plays / cry -> cries / fly -> flies

IV. CÁCH PHÁT ÂM CỦA "S" VÀ "ES"

Cách phát âm của động từ có đuôi "s" và "es"

1. "s" phát âm là : /s/ sau các V kết thúc = **t,k,th,c,f,p,ph,gh** (**tớ không thích cậu phá ghế**)
2. "s" phát âm là : /z/ sau các trường hợp còn lại
3. "es" phát âm là /s/ sau các v kết thúc = t,k,p (**tớ không phá**)
4. "es" phát âm là /iz/ sau các V kết thúc = c,ch,x,sh,z,s,g (**cô chạy xe sh zô sài gòn**)
5. "es" phát âm là /z/ sau các trng hợp còn lại

THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

CÁCH DÙNG

1.1. Diễn tả h.động đang x.ra tại thời điểm nói, hoặc xung quanh thời điểm nói.

1.2 Diễn tả kế hoạch dự định tương lai.

1.3 Dùng trong câu than phiền. (**always**)

DẤU HIỆU	CÔNG THỨC
1. Now, right now, at the moment, at present, at this time, today*.	KĐ. S + am/is/ are + V-ing + O + ADV PD. S + am not/ isn't /aren't + V-ing + O + .. NV. Am/ is/ are + S + V-ing + O + ..?
2. Look! Listen! Keep silent, pay attention, Don't make noise..	I-am She.he,it,N, 1 name -is You,we,they,Ns -are
3. It's + giờ (it's 8.00)	
4. Where am/is/are + S?	